

Số: 1239/QĐ-UBND

An Giang, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới, bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang tại Tờ trình số 58/TTr-SKHĐT ngày 04 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

- Bổ sung Danh mục thủ tục hành chính mới vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam số 01 đến số 25. Mục III tại Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của Ủy ban

nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam số 83 đến số 107. Mục III Phần IV Phụ lục I tại Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở Ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; ĐDB Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: TH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 về việc Quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và Xúc tiến đầu tư.

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	35 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh	32 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
12	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	12 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
13	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết	5 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)				BKHĐT
14	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	18 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
15	Thủ tục ngừng hoạt động	5 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Đầu tư		- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
16	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
17	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	15 ngày	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
18	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	cấp lại 5 ngày và hiệu đính 3 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
19	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	3 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
20	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	22 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
21	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
22	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành	15 ngày làm việc.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Thông tư số 03/2021/TT-

STT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC				BKHĐT

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
1	2.001918.000.00.00.H01	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định số 118/2015/NĐ-CP); - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam (Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT). 	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư

2	1.004877.000.00.00.H01	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	2.001910.000.00.00.H01	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	2.001869.000.00.00.H01	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	1.004635.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư

6	2.001853.000.00.00.H01	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	2.001831.000.00.00.H01	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	2.001696.000.00.00.H01	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	1.003940.000.00.00.H01	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- UBND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	1.003912.000.00.00.H01	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư

11	1.003811.000.00.00.H01	Chuyển nhượng dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	2.001581.000.00.00.H01	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
13	1.005361.000.00.00.H01	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
14	1.003549.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	2.001361.000.00.00.H01	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	2.001351.000.00.00.H01	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
17	2.001318.000.00.00.H01	Giãn tiến độ đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
18	1.003096.000.00.00.H01	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
19	2.001083.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư

20	2.001056.000.00.00.H01	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
21	2.001047.000.00.00.H01	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	- Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
22	1.004569.000.00.00.H01	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
23	2.001031.000.00.00.H01	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
24	1.002401.000.00.00.H01	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP;	- Sở Kế hoạch và Đầu tư
25	2.001018.000.00.00.H01	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	- Luật Đầu tư; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.	- Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh